

Bản án số: 01/2020/HNGĐ – ST  
Ngày 24/11/2020  
V/v: Tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* ông Lê Lương Anh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Đinh Công Ó.

- Bà Lê Thị Bồng.

*Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Khánh Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hân – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 và ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 121/2020/TLST – HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc Tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST – DS, ngày 21 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Vi Văn H1, sinh năm 1983.

- Bị đơn: chị Cầm Thị H2, sinh năm 1982.

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản T, xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Hai bên đương sự đều có mặt.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh Phù Yên, tỉnh Sơn La – Đại diện theo ủy quyền: ông Lường Văn D – Phó phòng Kế hoạch kinh doanh. Có mặt.

2. Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Đại diện theo ủy quyền: ông Cầm Văn L – Phó giám đốc. Vắng mặt.

3. Hội phụ nữ huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La – Đại diện theo ủy quyền: ông Đinh Công A – Cán bộ quản lý, theo dõi chương trình tín dụng tiết kiệm phụ nữ huyện Phù Yên. Có mặt.

4. Chị Hà Thị B, sinh năm 1984; trú tại bản M, xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, vắng mặt có lý do.

5. Anh Cầm Văn C; sinh năm 1986; trú tại bản T, xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có lý do.

6. Ông Cầm Văn D; trú tại bản T, xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Có mặt.

7. Bà Ngân Thị E; trú tại bản T, xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có lý do.

8. Chị Cầm Thị Tường F; trú tại bản M, xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có lý do.

9. Chị Lường Thị Hồng G; trú tại bản T, xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, Đại diện theo ủy quyền: ông Lường Văn H (là bố đẻ), trú tại bản T, xã H, huyện Phù Yên. Vắng mặt có lý do.

10. Đại diện Chương trình tín dụng tiết kiệm xã H - bà Lò Thị I, Chủ tịch Hội LHPN xã H, huyện Phù Yên. Có mặt.

11. Đại diện Chương trình tín dụng tiết kiệm xã B - bà Hà Thị J, Chủ tịch Hội LHPN xã B, huyện Phù Yên. Vắng mặt không có lý do.

12. ông Lý Văn K, trú tại bản S, xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, có mặt.

13. ông Bàn Văn L, trú tại bản S, xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, có mặt.

#### NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ý kiến trình bày tại phiên tòa nguyên đơn anh Vi Văn H1 trình bày: Vợ chồng tôi kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn vào ngày 01/02/2012 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình*

chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì đến khoảng tháng 6/2019 mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do vợ chồng tôi làm kinh doanh thêm bên ngoài nên hay phải đi sớm về muộn, vợ tôi hay ghen tuông, nghi ngờ tôi ngoại tình, hai vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, xúc phạm nhau. Từ khi mâu thuẫn xảy ra thì bản thân tôi cố gắng thu xếp để hai vợ chồng hàn gắn được tình cảm nhưng không thể nào có được tiếng nói chung. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên khuyên nhủ nhưng không thành. Đến nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi kiên quyết xin được ly hôn chị H2.

Về con chung: vợ chồng tôi có một con chung là cháu Vì Cẩm Tuệ M, sinh ngày 11/11/2012, tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tuệ M đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu chị H2 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tôi có một ngôi nhà xây cấp IV, 01 tầng, với diện tích sử dụng 67m<sup>2</sup> và các công trình phụ trợ gồm bếp, nhà vệ sinh, bể nước trên tổng diện tích đất 212,5m<sup>2</sup>, tại bản T (bản Nà D cũ), xã H, huyện Phù Yên; đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 687481, do UBND huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La cấp ngày 27/3/2013 mang tên hai vợ chồng tôi. Đối với ngôi nhà cùng các công trình phụ và đất trên tôi đề nghị được quyền sở hữu và sẽ thanh toán phần chênh lệch tài sản cho chị H2 là 175.000.000,đ nhưng chị H2 không đồng ý, hai vợ chồng cũng đã tìm cách thỏa thuận nhưng không được nên trong quá trình giải quyết vụ án tôi đã đề nghị xem xét thẩm định tài sản và chia theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra còn một số tài sản khác như xe máy, ti vi, tủ lạnh, giường, tủ, bàn ghế và một số vật dụng khác trong gia đình nhưng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết mà cả hai vợ chồng tôi sẽ tự giải quyết.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống với nhau và làm ăn kinh doanh thêm nên vợ chồng tôi có vay của một số tổ chức, cá nhân sau:

- Vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Phù Yên số tiền 500.000.000,đ tiền gốc, tôi đã trả được một số tiền gốc và lãi, đến ngày 18/11/2020 vẫn còn nợ lại là 485.000.000,đ tiền gốc và 7.300.000,đ tiền lãi phát sinh.

- Nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phù Yên số tiền 62.000.000,đ tiền gốc.

- Nợ anh Cẩm Văn C (là em vợ), trú tại bản T, xã H, huyện Phù Yên số tiền 20.000.000,đ tiền gốc.

Đối với những khoản nợ chung này tôi đề nghị mỗi người trả một nửa. Còn các khoản nợ khác do chị H2 đi vay về tôi không liên quan và chị H2 phải có trách nhiệm tự trả số nợ mà chị đã kê khai.

*Trong bản tự khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tại phiên tòa bị đơn chị Cẩm Thị H2 trình bày:* Về ngày tháng kết hôn, nơi kết hôn thì chị nhất trí như anh H1 đã trình bày. Vợ chồng anh chị kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn thì hai vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian, trong cuộc sống thì thoảng cũng có những mâu thuẫn nhưng đỉnh điểm là từ khoảng tháng 6/2019 thì anh H1 có nhiều thay đổi, thường xuyên chửi bới, quát tháo, xúc phạm tôi. Mâu thuẫn vợ chồng cũng được bản thân và gia đình khuyên bảo nhưng anh H1 vẫn kiên quyết xin được ly hôn, bản thân tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và mong muốn đoàn tụ gia đình để cùng nhau nuôi dạy con cái và tiếp tục công tác làm ăn nhưng nếu anh H1 vẫn kiên quyết ly hôn thì tôi cũng nhất trí ly hôn để giải phóng cho cả hai yên tâm làm ăn, công tác.

Về con chung: Vợ chồng tôi có một con chung là cháu Vì Cẩm Tuệ M, sinh ngày 11/11/2012, do cháu là con gái, cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ hơn, sau này cháu lớn hơn và đến tuổi dậy thì anh H1 không thể chăm sóc cho con gái nên tôi xin được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Tuệ M đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tôi có một ngôi nhà xây cấp IV cùng các công trình phụ trên diện tích đất 212,5m<sup>2</sup>, đất đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại bản T, xã H, huyện Phù Yên. Ngoài ra còn một số tài sản khác, tuy nhiên về nhà và đất thì tôi nhất trí để anh H1 được quyền sở hữu và anh H1 phải thanh toán phần chênh lệch tài sản cho tôi tương xứng với giá trị ngôi nhà và đất, nếu anh H1 không nhất trí thì tôi đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Từ khi vợ chồng tôi kết hôn và chung sống thì có vay các tổ chức và các cá nhân để sửa nhà và kinh doanh, chăn nuôi và mở cửa hàng thực phẩm sạch, tôi không nhất trí đối với phần nợ chung như anh H1 đã nêu. Ngoài ba khoản nợ mà anh H1 đã trình bày là nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Phù Yên đến ngày 18/11/2020 vẫn còn nợ lại là 485.000.000,đ tiền gốc và 7.300.000,đ tiền lãi phát sinh, nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phù Yên số tiền 62.000.000,đ tiền gốc và nợ em trai tôi là Cẩm Văn C số tiền 20.000.000,đ, thì vợ chồng tôi còn vay thêm một số tổ chức và cá nhân, cụ thể như sau:

- Vay chị Hà Thị B, sinh năm 1984; trú tại bản M, xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La số tiền 15.000.000,đ tiền gốc, không tính lãi xuất.

- Vay ông Cẩm Văn D; trú tại bản T, xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La số tiền 50.000.000,đ tiền gốc.

- Vay bà Ngân Thị E (là mẹ đẻ tôi); trú tại bản T, xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La số tiền 15.000.000,đ, đến nay đã trả được 1.000.000,đ, còn lại 14.000.000,đ tiền gốc.

- Vay chị Cẩm Thị Tường F; trú tại bản M, xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La số tiền 15.000.000,đ tiền gốc.

- Vay chị Lương Thị Hồng G; trú tại bản T, xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La (thông qua ông Lương Văn H, là bố đẻ chị G, trú tại bản T, xã H) số tiền 20.000.000,đ tiền gốc.

- Vay ông Lý Văn K, trú tại bản S, xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La số tiền hai đợt là 100.000.000,đ tiền gốc và 1.000.000,đ lãi xuất, tổng cộng là 101.000.000,đ, đến nay tôi đã gửi Ngân hàng mang tên anh K 20.000.000,đ, còn lại 81.000.000,đ tiền gốc.

- Vay ông Bàn Văn L, trú tại bản S, xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La số tiền 75.000.000,đ tiền gốc và 2.000.000,đ tiền lãi, tổng cộng là 77.000.000,đ tiền gốc.

- Vay Chương trình tín dụng tiết kiệm xã H số tiền 80.000.000,đ, đã trả được một số, đến ngày 30/9/2020 còn nợ lại là 45.403.000,đ tiền gốc.

- Vay Chương trình tín dụng tiết kiệm xã B số tiền 40.000.000,đ, đã trả được một số, đến ngày 30/9/2020 còn nợ lại là 33.400.000,đ tiền gốc.

- Vay Chương trình tín dụng tiết kiệm xã H hai khoản gồm một khoản đứng tên tôi vay số tiền 50.000.000,đ, đã trả một số, còn lại số tiền gốc là 14.500.000,đ và một khoản đứng tên anh H1 vay số tiền 46.000.000,đ, đã trả được 1.000.000,đ, hiện nay còn 45.000.000,đ, tổng cộng cả hai khoản của xã H số tiền gốc còn nợ là: 59.500.000,đ.

Trong các khoản nợ trên tôi vay về để vợ chồng đầu tư kinh doanh nuôi cá lồng và nuôi vịt trời tại hồ Suối Hòm, xã H và để đầu tư vào cửa hàng thực phẩm sạch tại thị trấn Phú Yên, huyện Phù Yên cũng như chi tiêu trong gia đình, nhưng trong quá trình đầu tư kinh doanh do không hiệu quả, bị thua lỗ và dẫn đến nợ nhiều, nay tôi đề nghị anh H1 phải cùng với tôi có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên.

Tại biên bản xác minh và ý kiến bà Ngân Thị E tại phiên hòa giải trình bày:

- Vào năm 2018 bà có cho con gái là chị Cẩm Thị H2 vay số tiền 15.000.000,đ để vợ chồng chị H2 làm ăn, kinh doanh, trong quá trình vay đến nay chị H2 đã trả được 1.000.000,đ, còn lại số tiền 14.000.000,đ tiền gốc. Nay

anh chị H2, H1 ly hôn thì bà yêu cầu cả hai anh chị đều phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền gốc là 14.000.000,đ và bà không yêu cầu phải trả lãi xuất.

Tại biên bản xác minh và ý kiến anh Cầm Văn C tại phiên hòa giải trình bày:

- Vào khoảng cuối năm 2017 anh có cho anh chị H1, H2 vay số tiền 20.000.000,đ để nuôi cá lồng, hàng tháng, quý chị H2 vẫn trả lãi xuất đúng quy định. Đến nay anh chị ly hôn thì anh C yêu cầu vợ chồng chị H2 phải có trách nhiệm thanh toán cho anh số tiền gốc là 20.000.000,đ và lãi xuất phát sinh theo lãi xuất của ngân hàng Nhà nước quy định. Tuy nhiên việc tính lãi xuất thì anh C và chị H2 sẽ tự tính toán với nhau.

Người có quyền lợi liên quan ông Cầm Văn D trình bày:

- Vào ngày 10/11/2017 ông D có cho chị H2 vay số tiền gốc 50.000.000,đ để vợ chồng đầu tư làm ăn và trả nợ và ông không tính lãi xuất đối với khoản vay trên. Đến nay anh chị H1, H2 ly hôn thì ông D yêu cầu vợ chồng chị H2 phải có trách nhiệm thanh toán trả cho ông số tiền gốc là 50.000.000,đ.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi liên quan chị Lương Thị Hồng G là ông Lương Văn H có ý kiến:

- Vào năm 2019 con gái ông là chị G có cho chị H2 vay số tiền 20.000.000,đ, tuy nhiên số tiền trên thực chất là của ông gửi vào chương trình tiết kiệm nhóm cá nhân của chị H2 và sổ sách đứng tên con gái ông là chị G, chị H2 đã dùng số tiền của ông gửi vào nhóm để đầu tư, kinh doanh cho gia đình chị. Đến nay anh chị ly hôn thì ông đề nghị cả hai vợ chồng chị H2 phải có nghĩa vụ trả cho chị G số tiền 20.000.000,đ và số lãi xuất như đã thỏa thuận với chị H2.

Tại biên bản xác minh người có quyền lợi liên quan chị Cầm Thị Tường F có ý kiến:

- Vào năm 2019 chị có cho chị H2 vay số tiền 15.000.000,đ và không tính lãi xuất với nhau, chị F không biết chị H2 vay số tiền trên để làm gì. Đến nay anh chị ly hôn thì chị yêu cầu chị H2 phải có trách nhiệm trả cho chị số tiền gốc 15.000.000,đ.

Tại biên bản xác minh và đơn đề nghị của người có quyền lợi liên quan chị H2 Thị B trình bày:

- Vào năm 2018 chị có cho chị H2 vay số tiền gốc là 15.000.000,đ, không tính lãi xuất, số tiền trên là tiền do mọi người đến phúng viếng người thân của chị mất, chưa sử dụng đến, chị B không biết chị H2 vay số tiền trên để làm gì. Nay vợ chồng anh chị ly hôn thì chị B yêu cầu chị H2 phải có trách nhiệm thanh toán trả cho chị số tiền gốc là 15.000.000,đ và chị không yêu cầu tính lãi xuất đối với khoản vay trên.

Người có quyền lợi liên quan anh Lý Văn L trình bày:

- Vào tháng 7 năm 2019 anh có gửi vào chương trình tín dụng tiết kiệm của xã H mà trực tiếp gửi cho chị Cẩm Thị H2 là Chủ tịch Hội phụ nữ xã H số tiền gốc là 75.000.000,đ, tuy nhiên anh không biết số tiền này là gửi vào nhóm cá nhân do chị H2 đứng ra thành lập, số tiền trên được chị H2 chốt số lãi xuất đến nay là 2.000.000,đ và chưa đến hạn rút tiền. Tại phiên tòa anh L yêu cầu chị H2 phải có nghĩa vụ trả cho anh số tiền gốc và lãi xuất đã được hai bên chốt là 77.000.000,đ và số lãi xuất phát sinh.

Người có quyền lợi liên quan anh Bàn Văn K trình bày:

- Vào khoảng tháng 7 năm 2019 anh có gửi vào chương trình tín dụng tiết kiệm của xã H mà trực tiếp gửi cho chị Cẩm Thị H2 là Chủ tịch Hội phụ nữ xã H số tiền gốc là 70.000.000,đ và đến tháng 01 năm 2020 anh gửi tiếp số tiền 30.000.000,đ, tổng cộng cả hai khoản là 100.000.000,đ tiền gốc, tuy nhiên anh không biết số tiền này là gửi vào nhóm cá nhân do chị H2 đứng ra thành lập, số tiền trên được chị H2 chốt số lãi xuất đến nay là 1.000.000,đ, tổng cộng cả gốc và lãi đã chốt với nhau là 101.000.000,đ và chưa đến hạn rút tiền. Trong thời gian vay nợ thì chị H2 đã lập cho anh sổ tiết kiệm gửi ngân hàng số tiền 20.000.000,đ. Tại phiên tòa anh K yêu cầu chị H2 phải có nghĩa vụ trả cho anh số tiền gốc và lãi xuất đã được hai bên chốt là 81.000.000,đ và số lãi xuất phát sinh. Còn số tiền tiết kiệm gửi Ngân hàng 20.000.000,đ thì anh sẽ rút khi đến hạn ghi theo sổ tiết kiệm.

Đại diện Hội phụ nữ huyện Phù Yên ông Đinh Công A trình bày:

- Vợ chồng chị H2, anh H1 có vay của chương trình tín dụng tiết kiệm phụ nữ do chủ trương của Hội phụ nữ huyện phát động với mục đích để các thành viên hội phụ nữ trong huyện phát triển kinh tế, anh chị H1, H2 có vay của các xã H, B và H do Hội phụ nữ huyện Phù Yên theo dõi, kiểm soát gồm: vay của xã H số tiền gốc 80.000.000,đ đứng tên người vay là chị Cẩm Thị H2, chị H2 đã trả được một phần, đến nay cả gốc và lãi còn lại là 45.900.000,đ; vay của xã B số tiền gốc 40.000.000,đ đứng tên người vay là chị Cẩm Thị H2, chị H2 đã trả được một phần gốc và lãi xuất, đến nay còn lại số tiền gốc là 33.400.000,đ; vay của xã H gồm hai khoản, khoản thứ nhất đứng tên anh Vì Văn H1 số tiền 46.000.000,đ tiền gốc, đã trả được 1.000.000,đ, còn lại 45.000.000,đ, khoản thứ hai đứng tên chị H2 số tiền gốc là 50.000.000,đ, đã trả được một phần, còn lại là 14.500.000,đ tiền gốc, tổng cộng cả hai khoản của xã H còn lại đến nay là 59.500.000,đ. Số tiền vay chương trình tín dụng tiết kiệm của các xã anh chị vay để đầu tư nuôi cá lồng, nuôi vịt trời và kinh doanh cửa hàng thực phẩm sạch, trong quá trình bắt đầu vay đến nay các kỳ trả lãi và gốc chị H2 là người đứng ra trả gốc và lãi theo quy định. Hiện nay các số nợ trên đến nay chưa đến hạn tất toán nhưng cá nhân vay trả gốc và lãi đều được chấp nhận. Nay vợ chồng anh chị ly hôn thì Chương trình tín dụng tiết kiệm phụ nữ huyện Phù Yên yêu cầu chị H2 là người đứng ra trực tiếp trả toàn bộ số gốc và lãi xuất theo quy định.

Đối với khoản tiền gửi của anh Lý Văn L và Bàn Văn K không nằm trong Chương trình tín dụng tiết kiệm của xã H mà là gửi vào nhóm cá nhân do chị H2 lập để giúp nhau đầu tư, kinh doanh, phát triển sản xuất, số tiền này không liên quan đến Chương trình tín dụng tiết kiệm xã H, do đó chị H2 phải có trách nhiệm trả cho các anh Lý Văn L và Bàn Văn K theo thỏa thuận của nhóm.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi liên quan Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam – Chi nhánh Phù Yên, tỉnh Sơn La do ông Lương Văn Dương – Phó phòng Kế hoạch kinh doanh trình bày:

- Ngày 15/02/2019 vợ chồng anh Vi Văn H1, chị Cẩm Thị H2 có vay của Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 01 – 2019/HĐTD, Mã KH 7909 – 008661692 LAV 2019 0309 số tiền 500.000.000,đ tiền gốc và có Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng số 01 – 2019/HĐTC, ngày 15/02/2019, trong quá trình thực hiện hợp đồng thì anh chị đã trả được một phần, đến ngày 18/11/2020 thì còn nợ số tiền gốc là 485.000.000,đ và lãi xuất là 7.300.000,đ. Khoản vay trên hiện chưa đến hạn thanh toán. Nay anh chị ly hôn thì Ngân hàng nông nghiệp PTNT chi nhánh Phù Yên đề nghị anh chị thỏa thuận về tài sản chung và ai là người được sở hữu số tài sản chung đang thế chấp tại Ngân hàng thì người đó phải có trách nhiệm trả nợ toàn bộ số tiền gốc và lãi xuất theo quy định. Trường hợp không trả được thì Ngân hàng sẽ phát mại số tài sản trên theo quy định.

Ý kiến của đại diện Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tại phiên hòa giải trình bày:

- Vợ chồng anh H1 chị H2 có vay của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Phù Yên số tiền 62.000.000,đ để kinh doanh, số tiền này chưa đến hạn phải tất toán. Nay anh chị ly hôn thì Ngân hàng đề nghị anh H1 hay chị H2 trả khoản vay trên cũng được, Ngân hàng chỉ yêu cầu trả số gốc và lãi xuất đúng theo hợp đồng đã ký.

Quá trình giải quyết vụ án, đương sự đã cung cấp cho Tòa án những tài liệu, chứng cứ gồm: Đơn khởi kiện về việc xin ly hôn; Giấy chứng nhận kết hôn (bản gốc); Bản tự khai của đương sự; Sổ hộ khẩu gia đình (bản sao); Giấy chứng minh nhân dân đương sự (bản sao); Giấy khai sinh cháu Tuệ M (bản sao); Hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp; sổ vay vốn (bản sao); Giấy biên nhận vay tiền;

Tài liệu do Tòa án thu thập gồm: Các biên bản xác minh tại chính quyền cơ sở và những cá nhân, tổ chức liên quan; Biên bản ghi ý kiến cháu Tuệ M; Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ; Biên bản định giá tài sản.

Quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án, vì vậy vụ án được đưa ra xét xử.



Tại phiên tranh luận: Anh Vì Văn H1 kiên quyết xin ly hôn chị H2, xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Tuệ M và không yêu cầu chị H2 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung anh H1 đề nghị được sở hữu một ngôi nhà xây cấp IV và tài sản trên đất, hiện đang thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Phù Yên và anh đề nghị có trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Phù Yên và khoản nợ tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phù Yên, đối với các khoản nợ khác như chị H2 đã kê khai và khoản nợ của anh Cầm Văn C thì chị H2 có trách nhiệm trả. Ngoài ra anh H1 có trách nhiệm thanh toán khoản chênh lệch giá trị tài sản chung cho chị H2 số tiền là 100.000.000,đ. (Một trăm triệu đồng). Còn các tài sản khác thì anh không yêu cầu giải quyết.

Chị Cầm Thị H2 cũng nhất trí ly hôn anh H1 vì xác định không còn tình cảm vợ chồng. Về con chung chị H2 không nhất trí để anh H1 nuôi con và chị có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cháu Tuệ M đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, chị không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với số tài sản chung là ngôi nhà xây cấp IV và tài sản trên đất hiện đang thế chấp tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Phù Yên thì chị nhất trí để anh H1 được sở hữu, sử dụng và anh H1 có trách nhiệm thanh toán phần chênh lệch giá trị số tài sản chung cho chị H2 là 100.000.000,đ, ngoài ra chị nhất trí anh H1 có trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Phù Yên và khoản nợ tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phù Yên, còn các tài sản khác trong gia đình chị H2 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với các khoản nợ gồm nợ chương trình tín dụng tiết kiệm xã H, xã B, xã H, khoản nợ các ông bà: Cầm Văn D, Ngân Thị E, Cầm Văn C, Lương Thị Hồng G, Cầm Thị Tường F, Hà Thị B, Lý Văn K, Bàn Văn L thì chị H2 có trách nhiệm trả cả gốc và lãi xuất theo quy định.

Những người có quyền lợi liên quan có mặt tại phiên tòa nhất trí với ý kiến của anh H1, chị H2 đối với những khoản nợ mà anh chị đã thỏa thuận.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, thành viên Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đúng thành phần

trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 71, 72 và 209 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: áp dụng điều 51, điều 55, điều 59, điều 60; điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu thuận tình ly hôn của anh H1 và chị H2. Về con chung: đề nghị giao cháu Vì Cầm Tuệ M cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và chấp nhận yêu cầu của anh H1 không yêu cầu chị H2 cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung: chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh H1, chị H2, anh H1 được sở hữu, sử dụng một ngôi nhà xây cấp IV và các tài sản trên đất, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng anh H1, chị H2 (hiện nay tài sản chung là nhà, công trình phụ và đất đang được thế chấp khoản vay tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Phù Yên), chấp nhận anh H1 có trách nhiệm thanh toán phần chênh lệch giá trị tài sản chung cho chị H2 số tiền 100.000.000,đ.

Đối với khoản nợ chung: chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, anh H1 có trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Phù Yên và khoản nợ tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phù Yên, chị H2 có trách nhiệm trả các khoản nợ gồm nợ chương trình tín dụng tiết kiệm xã H, xã B, xã H, khoản nợ các ông bà: Cầm Văn D, Ngân Thị E, Cầm Văn C, Lương Thị Hồng G, Cầm Thị Tường F, H2 Thị B, Lý Văn K, Bàn Văn L.

Về án phí: Anh H1 phải chịu án phí ly hôn và tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, anh H1, chị H2 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Tòa án nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền: Anh Vì Văn H1, chị Cầm Thị H2 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định, có hộ khẩu, tài sản tại bản T, xã H, huyện Phù

Yên, tỉnh Sơn La. Hiện anh chị có tranh chấp về ly hôn, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La theo quy định tại khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Về tố tụng; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Hà Thị B, chị Cẩm Thị Tường F, bà Ngần Thị E, anh Cẩm Văn C, chị Lương Thị Hồng G có đề nghị xin vắng mặt tại phiên tòa, có ý kiến liên quan lưu trong hồ sơ vụ án và được công bố tại phiên tòa; Đại diện Chương trình tín dụng tiết kiệm phụ nữ xã B vắng mặt nhưng có mặt của đại diện Chương trình tín dụng tiết kiệm phụ nữ huyện Phù Yên, căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh anh Bàn Văn L và anh Lý Văn K về số tiền gửi vào Chương trình tín dụng tiết kiệm xã H do chị H2 làm Chủ tịch hội phụ nữ xã H trực tiếp nhận, quá trình làm việc các anh K, anh L trình bày là gửi tiền vào Chương trình tín dụng tiết kiệm xã H chứ không gửi tiền cho cá nhân vợ chồng chị H2 vay, tại phiên tòa ngày 18/11/2020 chị H2 trình bày khoản tiền của anh K, anh L gửi là gửi vào nhóm cá nhân do chị H2 lập chứ không phải là khoản tiền gửi vào Chương trình tín dụng tiết kiệm xã H. Hội đồng xét xử đã quyết định tạm ngừng phiên tòa theo quy định tại điểm c khoản 1 điều 259 Bộ luật Tố tụng dân sự để xác minh tại Hội liên hiệp phụ nữ huyện Phù Yên đối với khoản tiền gửi của hai anh K và anh L là có gửi vào Chương trình tín dụng tiết kiệm của xã H hay không.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Vi Văn H1 và chị Cẩm Thị H2 kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc một thời gian thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng quan tâm đến nhau, thường xuyên cãi chửi nhau.

Xét thấy: Qua ba lần Tòa án tổ chức hòa giải để anh chị đoàn tụ gia đình, tiếp tục cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng anh H1 kiên quyết xin ly hôn, chị H2 mong muốn đoàn tụ gia đình. Trong thời gian anh chị sống ly thân từ khoảng tháng 6 năm 2019 đến nay, hai anh chị không quan tâm đến nhau, cả hai anh chị không có hướng khắc phục mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng, anh H1 vẫn kiên quyết xin ly hôn. Mâu thuẫn của anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án chị H2 có ý kiến mong muốn đoàn tụ gia đình, tuy nhiên tại phiên tòa chị H2 nhất trí và có yêu cầu ly hôn anh H1. Căn cứ điều 51, điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu của anh H1 và chị H2, công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của anh H1 và chị H2.

[4] Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Vì Cẩm Tuệ M, sinh ngày 11/11/2012. Cả anh H1 và chị H2 đều có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Tuệ M đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động, anh H1 và chị H2 đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy: Anh H1 và chị H2 đều là người trưởng thành, có đủ năng lực hành vi dân sự, có sức khỏe, nghề nghiệp, thu nhập ổn định để nuôi sống bản thân và con cái, cả hai anh chị đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, tại biên bản ghi ý kiến cháu Tuệ M ngày 22/7/2020 tại Trường Tiểu học và THCS H cháu Tuệ M có ý kiến mong muốn được ở với chị H2, tuy nhiên tại phiên tòa cháu M có nguyện vọng muốn được với anh H1 khi bố mẹ ly hôn. Việc anh chị đều có nguyện vọng được nuôi con chung là chính đáng, tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án anh chị đã thỏa thuận anh H1 được sở hữu tài sản chung là ngôi nhà và đất, còn chị H2 sẽ đi ở tại địa điểm khác, do đó để đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt cho cháu M, cần giao cháu M cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động và chấp nhận sự tự nguyện của anh H1 về việc không yêu cầu chị H2 phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, cả hai anh chị trình bày ý kiến có tài sản chung là một ngôi nhà xây cấp IV cùng các công trình phụ trên diện tích đất tại bản Nà D (nay là bản T), xã H, anh H1 xin được sở hữu số tài sản chung và tự định giá số tài sản chung là 350.000.000,đ và anh sẽ thanh toán phần giá trị chênh lệch tài sản cho chị H2 số tiền 175.000.000,đ, tuy nhiên hai anh chị không thống nhất được việc thỏa thuận và trị giá tài sản chung, anh H1 có yêu cầu xem xét, thẩm định và định giá số tài sản chung để giải quyết theo quy định của pháp luật, ngày 21/10/2020 Tòa án tiến hành thủ tục xem xét thẩm định tại chỗ và định giá số tài sản chung, kết quả:

- Đất ở tại nông thôn 233m<sup>2</sup> (đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Vì Văn H1, Cẩm Thị H2, số 687481, số vào sổ: CH003269, cấp ngày 23/7/2013, địa chỉ thửa đất: bản Nà D (nay là bản T), xã H, huyện Phù Yên trị giá 165.111.000,đ.

- Bể nước xây tường 110mm, nắp đổ bê tông, đáy đổ bê tông diện tích 11,4m<sup>2</sup>, trị giá 16.701.000,đ.

- Mái che khung sắt lợp mái tôn diện tích 30,7m<sup>2</sup>, trị giá 8.596.000,đ.

- Mái che khung sắt lợp Fibrô xi măng diện tích 54,6m<sup>2</sup>, trị giá 10.920.000,đ.

- Nhà xây 01 tầng đổ mái, tường 220mm, tường chịu lực, đổ mái, nền lát gạch hoa, mái chống nóng làm khung sắt lợp tôn, diện tích 67m<sup>2</sup>, trị giá 249.101.042,đ.

- Nhà bếp xây tường 110mm, có trát, nền láng vữa xi măng, mái lợp Fibrô xi măng, diện tích 12,3m<sup>2</sup>, trị giá 34.345.671,đ.

- Nhà vệ sinh xây tường 110mm, nền lát gạch hoa, mái Fibrô xi măng, diện tích 4,7m<sup>2</sup>, trị giá 10.203.700,đ.

- Chuồng gà xây gạch, mái lợp Fibrô xi măng, nền đất, diện tích 11,7m<sup>2</sup>, trị giá 5.012.280,đ.

Tổng giá trị tài sản gồm đất và tài sản trên đất là 499.990.000,đ (Bốn trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi ngàn đồng).

Đối với diện tích đất chung của anh chị được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 687481, số vào sổ: CH003269, cấp ngày 23/7/2013, địa chỉ thửa đất: bản Nà D (nay là bản T), xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La mang tên Vì Văn H1, Cầm Thị H2 có tổng diện tích là 212,5m<sup>2</sup>; trong đó có thửa đất số 104C đất ở tại nông thôn (ONT), thời hạn sử dụng lâu dài, có diện tích được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 100m<sup>2</sup>, qua đo đạc, thẩm định tại chỗ thì diện tích được tăng thêm 7,2m<sup>2</sup>. Thửa đất số 104F, đất trồng cây hàng năm khác (BHK), thời hạn sử dụng đến tháng 4/2021, có diện tích được cấp giấy theo chứng nhận quyền sử dụng đất là 112,5m<sup>2</sup>, qua đo đạc, thẩm định tại chỗ thì diện tích được tăng thêm 13,3m<sup>2</sup>. Tổng diện tích qua đo đạc, thẩm định là 233m<sup>2</sup> (Hai trăm ba mươi ba mét vuông).

Xét thấy: Đối với phần tài sản chung là đất và các tài sản khác gắn liền với đất là nhà và các công trình phụ có tổng trị giá theo kết quả định giá là 499.990.000,đ, qua tranh luận tại phiên tòa, anh H1, chị H2 nhất trí, tự nguyện thỏa thuận anh H1 là người được sở hữu, sử dụng và có nghĩa vụ thanh toán phần chênh lệch tài sản cho chị Hà số tiền 100.000.000,đ, đồng thời anh H1 có nghĩa vụ, trách nhiệm thanh toán trả toàn bộ số nợ của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Phù Yên số tiền vay tính đến ngày 18/11/2020 là 485.000.000,đ tiền gốc và 7.300.000,đ tiền lãi xuất cùng khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phù Yên số tiền gốc 62.000.000,đ và lãi xuất phát sinh, Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận của anh chị là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với ý kiến của người có quyền lợi liên quan Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Phù Yên, do đó cần giao số tài sản chung là đất và các tài sản gắn liền trên đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 687481, số vào sổ: CH003269, cấp ngày 23/7/2013, địa chỉ thửa đất: bản Nà D (nay là bản T), xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La mang tên Vì Văn H1, Cầm Thị H2 cho anh H1 được sở hữu, sử dụng và anh H1 có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán phần chênh lệch tài sản chung cho chị H2 số tiền 100.000.000,đ (Một trăm triệu đồng).

Đối với diện tích đất của anh chị theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 687481, số vào sổ: CH003269, cấp ngày 23/7/2013, địa chỉ thửa đất: bản Nà

D (nay là bản T), xã H, huyện Phù Yên có diện tích là 212,5m<sup>2</sup>, trong đó bao gồm 100m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và 112,5m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác, qua đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ xác định có tổng diện tích là 233m<sup>2</sup>, tăng thêm 20,5m<sup>2</sup>, trong đó đất ở nông thôn là 107,2m<sup>2</sup> (tăng thêm 7,2m<sup>2</sup>) và đất trồng cây hàng năm khác là 125,8m<sup>2</sup> (tăng thêm 13,3m<sup>2</sup>). Đối với phần diện tích đất tăng thêm đề nghị anh Vi Văn H1 phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tiến hành điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đúng với thực tế theo quy định của Luật Đất đai và các quy định khác của pháp luật.

Đối với các tài sản khác và tài sản riêng, cả hai anh chị đều không yêu cầu Tòa án giải quyết do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Vi Văn H1 trình bày có vay của các tổ chức, cá nhân để đầu tư làm ăn, kinh doanh, sửa chữa nhà là vay Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – chi nhánh huyện Phù Yên số tiền 500.000.000,đ tiền gốc, đến ngày 18/11/2020 vẫn còn nợ lại là 485.000.000,đ tiền gốc và 7.300.000,đ tiền lãi phát sinh; Nợ Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phù Yên số tiền 62.000.000,đ tiền gốc; Nợ anh Cầm Văn C (là em vợ), trú tại bản T, xã H, huyện Phù Yên số tiền 20.000.000,đ tiền gốc. Anh H1 yêu cầu chị H2 phải có trách nhiệm cùng anh trả toàn bộ số tiền của ba khoản vay này và anh không nhất trí các khoản vay khác như chị H2 đã trình bày.

Chị Cầm Thị H2 trình bày có vay ngoài ba khoản nợ như anh H1 đã trình bày thì vợ chồng chị có vay để đầu tư, kinh doanh và trả nợ chi tiêu trong gia đình của một số tổ chức, cá nhân sau: Vay chị H2 Thị B số tiền 15.000.000,đ tiền gốc, không tính lãi xuất; Vay ông Cầm Văn D, số tiền 50.000.000,đ tiền gốc; Vay bà Ngân Thị E số tiền 15.000.000,đ, đến nay đã trả được 1.000.000,đ, còn lại 14.000.000,đ tiền gốc; Vay chị Cầm Thị Tường F, số tiền 15.000.000,đ tiền gốc; Vay chị Lương Thị Hồng G; (thông qua ông Lương Văn H, là bố đẻ chị G, trú tại bản T, xã H) số tiền 20.000.000,đ tiền gốc; Vay ông Lý Văn K, trú tại bản S, xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La số tiền hai đợt là 100.000.000,đ tiền gốc và 1.000.000,đ lãi xuất, tổng cộng là 101.000.000,đ, hiện chị đã gửi Ngân hàng mang tên anh K 20.000.000,đ, còn lại 81.000.000,đ tiền gốc; Vay ông Bàn Văn L, số tiền 75.000.000,đ tiền gốc và 2.000.000,đ tiền lãi, tổng cộng là 77.000.000,đ tiền gốc; Vay Chương trình tín dụng tiết kiệm xã H số tiền 80.000.000,đ, đã trả được một số, đến ngày 30/9/2020 còn nợ lại là 45.403.000,đ tiền gốc; Vay Chương trình tín dụng tiết kiệm xã B số tiền 40.000.000,đ, đã trả được một số, đến ngày 30/9/2020 còn nợ lại là 33.400.000,đ tiền gốc; Vay Chương trình tín dụng tiết kiệm xã H hai khoản gồm một khoản đứng tên chị H2 vay số tiền 50.000.000,đ, đã trả một số, còn lại số tiền gốc là 14.500.000,đ và một khoản đứng tên anh H1 vay số tiền 46.000.000,đ, đã trả được 1.000.000,đ, hiện nay còn 45.000.000,đ, tổng cộng cả hai khoản của xã H số tiền gốc còn nợ

là: 59.500.000,đ. Chị H2 yêu cầu anh H1 phải có trách nhiệm cùng chị trả tất cả khoản nợ.

Tại phần tranh luận, giữa anh H1 và chị H2 đã tự nguyện, thống nhất thỏa thuận anh H1 có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ gốc và lãi xuất của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Phù Yên và khoản nợ tại Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phù Yên, tổng số nợ anh H1 phải có nghĩa vụ, thanh toán trả nợ bao gồm cả gốc và lãi xuất tính đến ngày 18/11/2020 là 554.300.000,đ; Còn chị H2 có trách nhiệm trả các khoản nợ gốc và lãi xuất (nếu có) cho chị Hà Thị B; ông Cầm Văn D; bà Ngân Thị E; chị Cầm Thị Tường F; chị Lương Thị Hồng G; ông Lý Văn K; ông Bàn Văn L; Chương trình tín dụng tiết kiệm các xã H, B, H, tổng số nợ chị H2 phải có nghĩa vụ, thanh toán trả nợ số gốc và lãi xuất tính đến ngày 11/8/2020 là 410.303.000,đ (Bốn trăm mười triệu ba trăm linh ba ngàn đồng).

Xét thấy: Trong quá trình chung sống, anh chị có đầu tư, kinh doanh để phát triển kinh tế nuôi vịt trời, nuôi cá lồng, mở cửa hàng bán thực phẩm sạch và sửa sang nhà cửa và anh chị đã vay tiền của các tổ chức tín dụng, các cá nhân để làm ăn cũng như để trả nợ chi tiêu trong gia đình, trong quá trình đầu tư do kinh doanh không hiệu quả, đã bị thua lỗ và chưa trả được toàn bộ số nợ cho các tổ chức, cá nhân. Việc anh chị vay mượn tiền của các tổ chức, cá nhân để kinh doanh, chi tiêu, sửa sang nhà cửa là chính đáng, đúng quy định của pháp luật, trong quá trình thực hiện việc vay nợ thì anh chị đã cố gắng thu xếp trả được một số cho những người liên quan. Tại phiên tòa anh chị đã thống nhất được việc trả nợ cho những người có quyền lợi liên quan, việc anh chị thống nhất được việc trả nợ là tự nguyện, phù hợp với ý kiến của những người có quyền lợi liên quan, bảo đảm quyền và lợi ích của những người có quyền lợi liên quan cũng như đúng quy định của pháp luật, do đó cần chấp nhận.

[7] Về án phí, chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án anh H1 có yêu cầu đề nghị xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá khối tài sản chung, Tòa án đã tiến hành thu và đã chi hết 5.000.000,đ, tại phiên tòa anh H1 tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Nguyên đơn anh Vì Văn H1 phải chịu án phí ly hôn; án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch; Bị đơn chị Cầm Thị H2 phải chịu án phí phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2, khoản 4 điều 147, điều 157, điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, b khoản 5, điểm a khoản 7 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào điều 51, điều 55, điều 59, điều 81, điều 82, điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 4 điều 147, điều 157, điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a, b khoản 5, điểm a khoản 7 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### ***Tuyên xử:***

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Vi Văn H1 và chị Cẩm Thị H2.

2. Về con chung: Giao cháu Vi Cẩm Tuệ M, sinh ngày 11/11/2012 cho anh Vi Văn H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động.

- Chị Cẩm Thị H2 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.*

3. Về tài sản chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự:

- Anh Vi Văn H1 được sở hữu đất và các tài sản gắn liền trên đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 687481, số vào sổ: CH003269; do Ủy ban nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La cấp ngày 23/7/2013; địa chỉ thửa đất: bản Nà D (nay là bản T), xã H, huyện Phù Yên có diện tích là 233m<sup>2</sup>, trong đó bao gồm 107,2m<sup>2</sup> đất ở nông thôn và 125,8m<sup>2</sup> đất trồng cây hàng năm khác; Trị giá số tài sản chung là 499.990.000,đ (Bốn trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi ngàn đồng). Anh Vi Văn H1 có trách nhiệm, nghĩa vụ phối hợp với các cơ quan, tổ chức liên quan tiến hành điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền



sử dụng đất cho đúng với thực tế theo quy định của Luật Đất đai và các quy định khác của pháp luật.

- Anh Vì Văn H1 có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán phần chênh lệch tài sản cho chị Cẩm Thị H2 số tiền 100.000.000,đ (Một trăm triệu đồng).

4. Về tài sản riêng: Không có.

5. Về nợ chung:

***Anh Vì Văn H1 có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho:***

- Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La số tiền 485.000.000,đ (Bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng) tiền gốc và 7.300.000,đ (Bảy triệu ba trăm ngàn đồng) tiền lãi (tính đến ngày 18/11/2020). Kể từ ngày 19/11/2020 anh H1 phải có nghĩa vụ, trách nhiệm tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số 01 – 2019/HĐTD, Mã KH 7909 – 008661692 LAV 2019 0309 và theo Hợp đồng Thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01 – 2019/HĐTC, ngày 15/02/2019.

- Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phù Yên 62.000.000,đ tiền gốc và lãi xuất phát sinh.

***Chị Cẩm Thị H2 có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho:***

- Chị Hà Thị B, sinh năm 1984; trú tại bản M, xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La số tiền 15.000.000,đ (Mười lăm triệu đồng) tiền gốc.

- Anh Cẩm Văn C; sinh năm 1986; trú tại bản T, xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La số tiền 20.000.000,đ (Hai mươi triệu đồng) tiền gốc và lãi xuất phát sinh.

- Ông Cẩm Văn D; trú tại bản T, xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La số tiền 50.000.000,đ (Năm mươi triệu đồng) tiền gốc.

- Bà Ngân Thị E; trú tại bản T, xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La số tiền 14.000.000,đ (Mười bốn triệu đồng) tiền gốc.

- Chị Cẩm Thị Tường F; trú tại bản M, xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La số tiền 15.000.000,đ (Mười lăm triệu đồng) tiền gốc.

- Chị Lường Thị Hồng G; trú tại bản T, xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La số tiền 20.000.000,đ (Hai mươi triệu đồng) tiền gốc và lãi xuất phát sinh.

- Chương trình tín dụng tiết kiệm xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La số tiền 45.403.000,đ (Bốn lăm triệu bốn trăm linh ba ngàn đồng) và lãi xuất phát sinh.

- Chương trình tín dụng tiết kiệm xã B, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La số tiền 33.400.000,đ (Ba mươi ba triệu bốn trăm ngàn đồng) tiền gốc và lãi xuất phát sinh.

- Chương trình tín dụng tiết kiệm xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La số tiền 59.500.000,đ (Năm mươi chín triệu năm trăm ngàn đồng) tiền gốc và lãi xuất phát sinh.

- Ông Lý Văn K, trú tại bản S, xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La số tiền 81.000.000,đ (Tám mươi một triệu đồng) tiền gốc và lãi xuất phát sinh.

- Ông Bàn Văn L, trú tại bản S, xã H, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La số tiền 77.000.000,đ (Bảy mươi bảy triệu) tiền gốc và lãi xuất phát sinh.

6. Về án phí: anh Vì Văn H1 phải chịu 300.000,đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn và 5.000.000,đ (Năm triệu đồng) chi phí thẩm định, xem xét tại chỗ và định giá tài sản và phải chịu 19.999.500,đ (Mười chín triệu, chín trăm chín mươi chín ngàn năm trăm đồng) án phí chia tài sản có giá ngạch. Được trừ đi 300.000,đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0003956, ngày 22/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La và 5.000.000,đ (Năm triệu đồng) chi phí thẩm định, xem xét tại chỗ và định giá tài sản đã nộp.

Chị Cẩm Thị H2 phải chịu 5.000.000,đ (Năm triệu đồng) án phí chia tài sản có giá ngạch.

7. Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 22 điều 70; điều 271; điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án ngày 24/11/2020; Người có quyền lợi liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất quy định tại điều 357, điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,*

*7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

***Nơi gửi:***

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Phù Yên (2);
- Chi cục THADS huyện Phù Yên;
- Hội phụ nữ huyện Phù Yên;
- UBND xã H, huyện Phù Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HS; AV;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Lương Anh**